

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1876/QĐ-UBND

Nam Đông, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn,
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06/ 5/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông

thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Nam Đông về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2719/SXD-QHKT ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, huyện Nam Đông đến năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân xã Hương Sơn về việc thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Hương Sơn tại Tờ trình số 676/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của UBND xã Hương Sơn; Báo cáo thẩm định số 82/TĐ-KTHT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, phạm vi ranh giới, thời hạn lập quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

- Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng xã Hương Sơn đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã với diện tích 4.346,7ha. Phía Bắc giáp thị xã Hương Thủy, phía Nam giáp xã Hương Xuân, xã Hương Hữu, phía Đông giáp xã Hương Phú, xã Hương Xuân, phía Tây giáp xã Thượng Quảng.

- Thời hạn lập quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2025, dài hạn đến năm 2030

2. Mục tiêu, tính chất

2.1. Mục tiêu

- Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng, quỹ đất sản xuất, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng gắn với không gian cảnh quan, bảo tồn văn hóa truyền thống. Tạo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và xây dựng đạt chuẩn xã nông thôn mới.

- Thiết lập công cụ quản lý, kiểm soát không gian, quản lý xây dựng và kiến trúc, quản lý đất đai, thúc đẩy đầu tư phát triển kinh tế- xã hội.

2.2. Tính chất

Xã Hương Sơn là cửa ngõ của huyện từ đường Hồ Chí Minh huyện A Lưới đến Nam Đông, thuộc vùng nông thôn miền núi, phát triển theo định hướng đạt chuẩn nông thôn mới với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; phát triển sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị với thế mạnh là trồng cây ăn quả, chăn nuôi, lâm nghiệp; phát triển ngành nghề khai thác, chế biến đá, thương mại, du lịch...nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo tồn giá trị bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

3. Quy mô dân số và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

3.1. Dự báo phát triển dân số

- Dân số hiện trạng (năm 2022): 1.568 người;
- Dự báo dân số đến năm 2025: 1.725 người, dân số nông thôn chiếm 100,0%.
- Dự báo dân số đến năm 2030: 1.900 người, dân số nông thôn chiếm 100,0%.

3.2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu và nhu cầu sử dụng đất

3.2.1 Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
Cây xanh công cộng	2

3.2.2. Chỉ tiêu hạ tầng xã hội

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Trụ sở làm việc cơ quan xã			
Trụ sở làm việc của HĐND, UBND, Đảng ủy, công an, xã đội, các đoàn thể		1.000 m ²	

2. Giáo dục			
a. Trường, điểm trường mầm non	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã			
- Không có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m ² /trạm	
- Có vườn thuốc		1.000 m ² /trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng			
a. Nhà văn hóa		1.000 m ² /c.trình	
b. Phòng truyền thống		200 m ² /công trình	
c. Thư viện		200 m ² /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ			
a. Chợ	1 chợ/xã	1.500 m ²	(nếu có)
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình	300 m ²	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	

3.2.3. Chỉ tiêu chính hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu
1.	Khu vực chăn nuôi, sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp	
a.	Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất	Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 200 m
b.	Khu sản xuất	Gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước
c.	Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hóa học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, trạm xay xát, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ	Bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hóa học đến khu ở không được < 100 m.
2.	Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung	

a.	Cơ sở sản xuất tiêu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường	Có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình
b.	Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường	Phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mỗi giao thông.
3.	Giao thông	
a.	Đường huyện	Cấp IV, V, VI
b.	Đường xã	A, B
c.	Đường thôn	B,C
d.	Đường dân sinh	D
e.	Đường nối với các khu vực sản xuất	Cấp IV, V, VI
4	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150 W/người
5	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm
6	Chiếu sáng công cộng	Tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng $\geq 50\%$
7	Nghĩa trang	Tối thiểu 0,04ha/1.000 người

4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

4.1. Định hướng quy hoạch khu trung tâm xã và công trình công cộng

Khu trung tâm xã tại khu vực thôn Bha Bhar và thôn Ta Rung với diện tích 22,2ha, dọc theo trục đường liên xã nối với xã Hương Xuân; là trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục, dịch vụ của xã. Khu trung tâm xã có một số công trình công cộng như sau:

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích sử dụng đất (m ²)
1	Trụ sở HĐND, UBND xã	Thôn Ta Rung	1.861,8
2	Trụ sở Công an xã	Thôn Bhar Bhar	1.000
3	Nhà Văn hoá xã	Thôn Bha Bhar	1.800
4	Trạm y tế xã	Thôn Ta Rung	3.586,8
5	Trường Tiểu học	Thôn Bha Bhar	5.070
6	Trường Mầm non	Thôn Bha Bhar/ Ta Rung	3.580
7	Điểm Bưu điện văn hoá xã	Thôn Bha Bhar	300
8	Khu vui chơi giải trí của xã	Thôn Bha Bhar	800
9	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Bha Bhar	Thôn Bha Bhar	200
10	Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Ta Rung	Thôn Ta Rung	900

4.2. Định hướng quy hoạch khu dân cư (điểm dân cư) nông thôn

4.2.1. Định hướng quy hoạch

Tổng diện tích quy hoạch 22,23 ha, trong đó:

- Duy trì các khu dân cư hiện trạng 4 thôn (Ta Rung, Bha Bhar, Pa Noong, A2) với diện tích 13,68 ha.

- Quy hoạch mới các điểm dân cư nông thôn diện tích 8,55ha. Cụ thể:

+ Quy hoạch mở mới khu dân cư tập trung tại Khe Ngọc với diện tích 5ha.

+ Quy hoạch đất ở khu vực trung tâm xã 1ha;

+ Quy hoạch đất xen ghép đất nông nghiệp trong đất thổ cư sang đất ở tại thôn Pa Noong diện tích 2,03ha;

+ Chuyển đổi đất trụ sở nhà sinh hoạt cộng đồng không sử dụng sang đất ở tại các thôn Bha Bhar, Pa Noong, Ta Rung, diện tích 0,52ha.

4.2.2. Định hướng kiến trúc các khu dân cư

Xây dựng các loại hình nhà ở phù hợp với tập quán văn hóa của nhân dân địa phương. Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc trưng văn hóa truyền thống, phát triển nhà vườn. Khu trung tâm xã đường liên xã có thể xây dựng nhà phố, kiến trúc phù hợp văn hóa miền núi. Tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

5. Định hướng quy hoạch các khu vực sản xuất

5.1. Định hướng quy hoạch các khu vực sản xuất

5.1.1. *Vùng trồng lúa nước và cây hàng năm*: Tổng diện tích 63,36 ha, trong đó duy trì diện tích 28,27ha lúa nước ở các cánh đồng thôn A2, Ta Rung, Bha Bhar, Pa Noong và cây hàng năm khác 35,09ha trong phạm vi 4 thôn của xã.

5.1.2. *Vùng trồng cây ăn quả, cây lâu năm và chăn nuôi tập trung*: Tổng diện tích 266,54ha (không bao gồm 160 ha Quế trồng trên đất lâm nghiệp và 35ha Quế phân tán), cụ thể:

- Vùng trồng cây ăn quả tập trung: Quy mô diện tích 70ha ở các thôn Pa Noong 40 ha, thôn A2 diện tích 30ha.

- Vùng trồng trọt kết hợp chăn nuôi tập trung diện tích 5,0ha bố trí ở thôn A2.

- Vùng trồng cây lâu năm: diện tích 191,54ha, trong đó:

+ Cây Quế trên đất cây lâu năm: diện tích 70ha trong tổng số 265ha, trong đó diện tích trồng tập trung 230ha (đất lâm nghiệp 160ha) trên các thôn Pa Noong, thôn A2: Trồng cây phân tán 35ha bố trí trên cả 4 thôn với mục đích chuyển đổi từ loài cây lâu năm khác (trong đất vườn, cây lâu năm khác).

+ Cây lâu năm khác (cao su,cau,cây có múi khác): duy trì diện tích hiện có 121,54 ha để đảm bảo nguồn thu nhập cho người dân, xác định đây là cây giảm nghèo bền vững của người dân.

5.1.3. Vùng sản xuất lâm nghiệp

- Trồng rừng sản xuất: Diện tích 1.189,9 ha, trong đó trồng rừng nguyên liệu, gỗ lớn 1.029,9 ha (gỗ lớn khoảng 250 ha, cấp chứng chỉ FSC khoảng 100 ha), trồng Quế tập trung trên đất lâm nghiệp 160 ha.

- Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ và sản xuất hiện có, thực hiện các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng, tham gia dịch vụ môi trường rừng.

5.1.4. Vùng nuôi trồng thủy sản

- Duy trì diện tích nuôi cá nước ngọt hiện có của xã, khuyến khích người dân đưa các giống cá có chất lượng hàng hóa.

5.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Sản xuất khai thác khoáng sản mỏ đá VLXD thông thường theo quy hoạch vùng huyện diện tích 17,24 ha.

- Duy trì và phát triển sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp truyền thống trên địa bàn như rèn, mộc và các ngành nghề mới như nhôm kính, xây dựng, sản xuất vật liệu, vận chuyển hàng hóa...

5.3. Thương mại dịch vụ và du lịch

- Định hướng phát triển khu du lịch sinh thái thác T7 với diện tích 30ha.

- Duy trì và phát triển cửa hàng tạp hóa ở khu trung tâm mở mang các điểm thu mua, bán sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, đặc sản của địa phương như Chuối, Cam, Dứa và các sản phẩm dịch vụ ăn uống, quà lưu niệm phục vụ du lịch sinh thái khi khu Du lịch sinh thái thác T7 và du lịch lòng hồ Tả Trạch được đầu tư và hoạt động.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

- Xây dựng nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 49E, đầu nối với huyện A Lưới và huyện Nam Đông dài 12,45 km, rộng 26 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 4,5-7,5-2,0-7,5-4,5 (mặt cắt 1-1), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Mở mới đường giao thông liên xã từ Hương Phú qua Hương Sơn đi Hương Xuân dài 3,83 km, rộng 16,5m, đường tiêu chuẩn cấp III-IV, quy mô 2 làn xe, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 3,0-10,5-3,0 (mặt cắt 2-2), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

6.1.2. Giao thông đối nội

- Xây dựng mới đường tại thôn Bha Bhar, chiều dài tuyến 590 m, độ rộng lộ giới 6 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4). chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Mở rộng và nâng cấp đường bê tông hiện tại ở thôn Bha Bhar với tổng chiều dài 425 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Mở rộng và nâng cấp đường bê tông tại thôn Ta Rung 650 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Mở rộng và nâng cấp đường bê tông tại thôn Pa Noong 1.726 m (mở rộng nâng cấp đường bê tông 1.036 m, mở rộng nâng cấp đường nhựa 690m), tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Nâng cấp đường bê tông tại thôn A2 với chiều dài 350 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 4-4), chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

6.1.3. Giao thông phục vụ sản xuất

Mở mới và nâng cấp 5.132 m tại các vùng sản xuất thôn A2, Pa Noong, Ta Rung, rộng 6,0 m, tiêu chuẩn mặt cắt kỹ thuật 1,5-3,0-1,5 (mặt cắt 5-5). Trong đó:

- Mở rộng và nâng cấp đường sản xuất tại thôn A2 với chiều dài: 3.270 m.

+ Tuyến đường sản xuất thôn A2 - T7: 2.220m.

+ Tuyến đường sản xuất thôn A2 - Cha Po: 1.050m.

- Mở mới tuyến đường sản xuất tại thôn Pa Noong - Khe BaBa: 1.450m.

- Mở mới tuyến đường sản xuất tại thôn Ta Rung - Khe Ngọc: 412 m.

6.2. Quy hoạch cấp nước

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu cấp nước của xã đến năm 2025 là 389,78 m³/ngđ và đến năm 2030 là 428,92 m³/ngđ.

- Nguồn cấp nước từ Nhà máy nước Nam Đông.

- Quy hoạch mới đường nước sinh hoạt dài 835 m từ nhà Ông Hòa thôn Ta Rung tới khu quy hoạch dân cư Khe Ngọc.

6.3. Quy hoạch cấp điện

- Nhu cầu điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn (trung tâm xã, liên xã) phải đảm bảo $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của xã.

- Tổng nhu cầu cấp điện trên địa bàn xã Hương Sơn đến năm 2025 là: 419 kW tương đương 293 kVA, đến năm 2030 là 461 kVA tương đương 323 kVA (Với hệ số $\text{Cos}\varphi = 0,85$).

- Quy hoạch mới đường điện dài 835m từ nhà ông Hòa thôn Ta Rung tới khu quy hoạch dân cư Khe Ngọc.

6.4. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

6.4.1. Quy hoạch nước thải

- Đối với các khu tập trung, xây dựng kiểu nhà phố xây dựng hệ thống thoát nước thải nửa riêng hoặc riêng theo quy hoạch chi tiết.

- Đối với các khu vực hiện hữu kiểu nhà vườn xử lý nước sinh hoạt theo phương pháp tự hoại (tự thấm).

- Tổng công suất thoát nước thải đến năm 2025 dự kiến là 187 m³/ngđ, đến năm 2030 dự kiến là 206 m³/ngđ.

- Dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước thải mặt khu quy hoạch dân cư Khe Ngọc dài 780 m.

6.4.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn

- Duy trì các thùng chứa rác lưu động hiện có trên địa bàn xã.
- Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 3 loại: có khả năng tái chế, tái sử dụng, chất thải hữu cơ và chất thải rắn khác.
- Vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt đến nhà máy xử lý rác thải Phú Sơn để xử lý.
- Rác thải xây dựng: Các Chủ đầu tư thu gom, vận chuyển đến bãi rác xây dựng xã Hương Phú hoặc bãi rác xây dựng xã Thượng Long để xử lý.

6.5. Quy hoạch nghĩa trang

- Theo quy hoạch chung đến năm 2030 thì trên địa bàn xã có Khu nghĩa trang dùng chung tại thôn Ta Rung được mở rộng quy mô. Tổng diện tích đất quy hoạch nghĩa trang toàn xã là 4,06 ha.

6.6. Quy hoạch các công trình phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai

6.6.1. Thủy lợi

Mở rộng và nâng cấp kênh mương tại thôn Ta Rung, Pa Noong: 5.711m.

- Mở rộng và nâng cấp kênh mương tại thôn Ta Rung: 2.069m
- Mở rộng và nâng cấp kênh mương tại thôn Pa Noong: 3.642m (*chi tiết bảng 07*)

6.6.2. Phòng chống thiên tai

- Xây dựng bờ kè tại thôn Ta Rung, Bha Bhar: 1.933m.
- Xây dựng bờ kè thôn Ta Rung 1.485 m.
- Xây dựng mới và nâng cấp bờ kè thôn Bha Bha: 448 m.

7. Quy hoạch hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ

7.1. Hệ thống trường học

Duy trì hiện trạng trường học nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục - đào tạo, thực hiện tốt chương trình kiên cố hoá trường học, ngành giáo dục cần huy động các nguồn lực để xây dựng các phòng, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia. Đến năm 2030, dự kiến nâng cấp trường tiểu học Bha Bhar.

7.2. Công trình y tế: Trạm y tế xã vẫn giữ nguyên hiện trạng với diện tích 3.586,8m².

7.3. Các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí

7.3.1. Nhà văn hóa trung tâm xã và khu vui chơi giải trí

- Xây dựng mới nhà văn hóa xã với diện tích dự kiến tại thôn Bha Bhar: 0,18ha.
- Xây dựng Khu vui chơi giải trí tại thôn Bha Bhar: 0,08ha.

7.3.2. Các nhà văn hóa thôn

- Nâng cấp Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Bha Bhar, diện tích 200m².

- Nâng cấp Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Ta Rung, diện tích 900m².

- Nâng cấp Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Pa Noong, diện tích 700m².

7.3.3. Sân vận động xã và các điểm thể thao tại các thôn

- Duy trì sân vận động xã: vị trí tại thôn A2, diện tích 7.300m²

7.4. Các công trình bảo tồn, du lịch: Quy hoạch Khu du lịch sinh thái thác T7 diện tích 30ha.

7.5. Các công trình cơ quan hành chính

- Trụ sở HĐND-UBND xã: Duy trì theo hiện trạng với quy mô diện tích đất 1.861,8 m². Đảm bảo cho các hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Trụ sở Công an xã: Đầu tư xây dựng mới trụ sở tại thôn Bha Bhar với quy mô 1.000m².

7.6. Thông tin liên lạc: Duy trì điểm Bưu điện văn hóa xã hiện có với diện tích 4.222m²

8. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2022	QH SDD đến năm 2030	Chênh lệch DT (QH-HT)	Tỷ lệ %
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	4.346,72	4.346,72	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	4.181,32	3.981,86	-199,46	91,61
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	322,46	329,90	7,44	7,59
1.1.1	Đất lúa	28,27	28,27	0,00	0,65
1.1.2	Đất trồng trọt khác	294,19	301,63	7,44	6,94
1.1.2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	38,09	35,09	-3,00	0,81
1.1.2.2	Đất trồng cây lâu năm	256,10	266,54	10,44	6,13
1.2	Đất lâm nghiệp	3.854,26	3.642,36	-211,90	83,80
1.2.1	Đất rừng phòng hộ	1.895,46	1.895,46	0,00	43,61
1.2.2	Đất rừng sản xuất	1.958,80	1.746,90	-211,90	40,19
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	4,60	4,60	0,00	0,11
1.4	Đất nông nghiệp khác	-	5,00	5,00	0,12
2	Đất xây dựng	126,66	326,94	200,29	7,52
2.1	Đất ở	13,68	22,23	8,55	0,51
2.2	Đất công cộng	3,65	3,13	-0,52	0,07
2.3	Đất khoáng sản và sản xuất vật	8,34	17,24	8,90	0,40

	liệu xây dựng				
2.4	Đất xây dựng các chức năng khác	-	30,00	30,00	0,69
2.5	Đất hạ tầng kỹ thuật	25,52	178,78	153,26	4,11
2.5.1	Đất giao thông	22,54	171,74	149,20	3,95
2.5.2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,98	7,04	4,06	0,16
2.6	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	75,46	75,46	0,00	1,74
2.7	Đất quốc phòng, an ninh	-	0,10	0,10	0,00
3	Đất khác	38,74	37,91	-0,83	0,87
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & MNCD	23,32	23,32	0,00	0,54
3.2	Đất chưa sử dụng	15,42	14,59	-0,83	0,34

9. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển xử lý tại bãi xử lý rác thải rắn sinh hoạt xã Phú Sơn, thị xã Hương Thủy.

- Rác thải xây dựng được thu gom, xử lý tại bãi rác thải xây dựng xã Hương Phú.

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, phân bón hữu cơ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Vận động nhân dân thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật để xử lý. Quản lý chăn nuôi, chăn nuôi trang trại ở khu chăn nuôi tập trung.

- Thiết lập các vành đai cây xanh cho khu dân cư, trồng cây xanh ở công viên, dọc các tuyến đường và nơi công cộng

- Chỉ đạo hộ gia đình có hố xí tự hoại đạt 100%.

- Thường xuyên phát động nhân dân tham gia phong trào vệ sinh môi trường, hưởng ứng ngày "Chủ nhật xanh".

- Bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn, thực hiện tốt chính sách dịch vụ môi trường rừng.

10. Các chương trình dự án ưu tiên đầu tư

Đầu tư xây dựng các dự án phát triển sản xuất; hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật thiết yếu như: Các trục giao thông chính, các công trình sự nghiệp, thương mại, dịch vụ du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...(có phụ lục đính kèm).

11. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên công TTĐT và tích hợp các dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng quy hoạch chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau khi quy hoạch xây dựng đảm bảo đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kiêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các điểm thương mại, dịch vụ,... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

12. Danh mục hồ sơ đồ án được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/10.000
4	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, đánh giá đất xây dựng toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000
5	Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ sản xuất toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000
6	Bản đồ định hướng phát triển không gian xã tỷ lệ 1/10.000
7	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công cộng và môi trường toàn xã tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.
9	Bản đồ quy hoạch hạ tầng phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai toàn xã, tỷ lệ 1/10.000 và Khu vực trung tâm xã tỷ lệ 1/5.000.

Điều 2. Giao UBND xã xã Hương Sơn tổ chức công bố, công khai quy hoạch, Quy chế quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện; chuyển giao các bản vẽ quy hoạch được duyệt để các cơ quan liên quan thực hiện chức năng quản lý theo quy định. Cập nhật kết quả quy hoạch đồ án lên hệ thống GIS Huế; thực hiện chức năng

quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng công trình theo phân công, phân cấp của UBND huyện và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính và Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Hương Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng